

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ T **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH LONG AN

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2021

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa
2. Bà Mai Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2021/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2021 về “*tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Trần Minh L, sinh năm 1987

Địa chỉ ĐKHKTT: số 256, Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Tô Thị Mỹ T, sinh năm 1989

Địa chỉ ĐKHKTT: ấp N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Địa chỉ nơi làm việc: số 31 Nguyễn Thị B, phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Trần Minh L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà T chung sống với nhau năm 2013, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân do bà T thường xuyên nhắn tin với người đàn ông khác. Ông phát hiện nên xảy ra cãi vã to tiếng và sống ly thân cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với bà T nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim A, sinh ngày 25/01/2016. Con chung hiện đang sống với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là 750.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Tô Thị Mỹ T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác định thời gian kết hôn, quá trình chung sống như ông L trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L ghen tuông vô cớ dẫn đến cãi vã thường xuyên. Bà và ông L đã sống ly thân từ 05/2017 đến nay. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Luân.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim A, sinh ngày 25/01/2016. Con chung hiện đang sống với ông L. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là 750.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Vào ngày 02/10/2020 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An có thụ lý đơn khởi kiện của ông Trần Minh L yêu cầu được ly hôn với bà Tô Thị Mỹ T; địa chỉ nơi làm việc: Số 31 Nguyễn Thị B, phường 6, thành phố T, tỉnh Long An làm phát sinh vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về xét xử vắng mặt: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà T có đến Tòa án để nhận thông báo thụ lý và trình bày ý kiến nhưng khi Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử thì bà T không đến. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Tiên đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông L và bà T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông L cho là vợ chồng phát sinh mâu

thuần do bà T thường xuyên nhả tin cho người đàn ông khác. Bà T thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L ghen tuông vô cớ dẫn đến cãi vã. Bà T xác định không còn tình cảm với ông L và đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa ông L và bà T không còn, tình trạng vợ chồng giữa ông L và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ghi nhận sự thống nhất của ông L và bà T là giao con chung Trần Thị Kim A, sinh ngày 25/01/2016 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là 750.000đ/tháng.

Ông L, bà T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông L và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập đến.

[5] Về án phí: ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; bà T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, 227; 228; 238, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của ông Trần Minh L, cho ông Trần Minh L được ly hôn với bà Tô Thị Mỹ T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Thị Kim A, sinh ngày 25/01/2016 cho ông Trần Minh L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Tô Thị Mỹ T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) vào ngày 13 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 13/6/2021 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về chia tài sản, chia nợ: ông Trần Minh L và bà Tô Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí:

Ông Trần Minh L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Do vậy chuyển tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004756 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình.

Bà Tô Thị Mỹ T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh LA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thảo